

Bản án số: 38/2017/HN – PT
Ngày: 25/10/2017
V/v “*Yêu cầu chia tài sản chung
sau khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- T1 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cúa

Các thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Đoàn Văn Sơn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2017/TLPT- HN ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc “*Yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 52/2017/HNGĐ – ST ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 240/2017/QĐ – PT ngày 12 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Minh T1, sinh năm: 1983; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Dương Thị Cẩm T2, sinh năm: 1992; (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: bị đơn bà Dương Thị Cẩm T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải không thành ngày 06/6/2017 và tại phiên Tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Lê Minh T1 trình bày:

Anh và chị Dương Thị Cẩm T2 kết hôn năm 2016. Ngày 20/02/2017, anh và chị T2 ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2017/QĐST-VHNGĐ của Tòa án nhân dân huyện M nhưng chưa yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Khi tổ chức lễ cưới, cha mẹ anh T1 cho chung anh và chị T2 10 chỉ vàng 24K9999 gồm đôi bông tai 01 chỉ, tám lắc 04 chỉ và sợi dây chuyền 05 chỉ. Từ khi ly thân đến nay chị T2 quản lý số vàng trên. Nay anh T1 yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho anh 4,5 chỉ (bốn chỉ, năm phân) vàng 24K9999. Anh đề nghị lấy giá vàng 24K9999 tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 3.500.000đồng/chỉ làm cơ sở giải quyết vụ án. Riêng đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K9999, anh đề chị T2 trọn quyền sở hữu và xin rút yêu cầu chia 05 phân vàng trong đôi bông tai.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải không thành ngày 06/6/2017 và tại phiên Tòa sơ thẩm, bị đơn chị Dương Thị Cẩm T2 trình bày:

Chị và anh T1 kết hôn năm 2016. Ngày 20/02/2017, chị và anh T1 ly hôn và chưa yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung như anh T1 khai. Trong lễ cưới, họ nhà trai tuyên bố cho cô dâu 10 chỉ vàng 24K9999, gồm đôi bông tai 01 chỉ, tám lắc 04 chỉ và sợi dây chuyền 05 chỉ nhưng theo chị thì đây là việc tặng cho riêng cô dâu, tức là cho riêng chị mà không phải là cho chung vợ chồng. Số vàng này chị quản lý từ sau đám cưới đến nay nhưng chị đã bán hết 09 chỉ để điều trị khi bị sảy thai, hiện chị còn giữ 01 đôi bông tai 01 chỉ. Việc chị bán vàng thì chị không có báo cho anh T1 biết và chị cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc chị điều trị khi bị sảy thai vì chị không có đến cơ sở y tế để điều trị. Hiện tại chị không biết giá vàng 24K9999 trên thị trường là bao nhiêu tiền một chỉ nhưng anh T1 đưa ra mức giá 3.500.000đồng/ chỉ thì chị cũng đồng ý lấy giá đó làm cơ sở giải quyết nhưng chị không đồng ý chia cho anh T1 4,5 chỉ vàng theo yêu cầu của anh T1 vì đó là tài sản chị được tặng cho riêng.

Sau khi hòa giải không thành Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 33; khoản 2,3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T1.

Cụ thể tuyên:

1. Anh Lê Minh T1 và chị Dương Thị Cẩm T2 mỗi người được chia 04 (bốn) chỉ 05 (năm) phân vàng 24K9999. Toàn bộ số vàng nêu trên hiện chị T2 đang quản lý nên buộc chị T2 giao cho anh T1 04 (bốn) chỉ 05 (năm) phân vàng 24K9999.

2. Đình chỉ việc giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T1 về việc yêu cầu chia 05 (năm) phân vàng 24K9999 trong đôi bông tai 01 (một) chỉ vàng 24K9999 hiện chị T2 đang quản lý.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/8/2017 bị đơn là chị Dương Thị Cẩm T2 kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và lời trình bày của bị đơn là chị Dương Thị Cẩm T2: chị không đồng ý với bản án sơ thẩm, chị yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của chị, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì số vàng cưới là tặng cho riêng cô dâu không phải cho chung hai vợ chồng và chị đã bán 9 chỉ vàng 24K9999 để điều trị khi bị sảy thai.

Nguyên đơn là anh Lê Minh T1 trình bày: yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn là chị Dương Thị Cẩm T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 52/2017/HNGĐ-ST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của chị Dương Thị Cẩm T2 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của chị Dương Thị Cẩm T2 về việc không đồng ý chia tài sản chung của anh chị là 10 chỉ vàng 24K9999. Anh T1 và chị T2 đều khai thống nhất là trong ngày cưới cha mẹ anh T1 có cho 10 chỉ vàng 24K9999. Anh T1 cho rằng đây là tài sản cha mẹ anh cho chung anh chị. Chị T2 cho rằng tài sản này chị được cho riêng nên sau ngày cưới chị quản lý toàn bộ số vàng này và đã bán 9 chỉ vàng để điều trị khi sảy thai. Tuy nhiên, chị T2 không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, tại biên bản hòa giải đoàn tụ việc hôn nhân gia đình ngày 10/02/2017 của Tòa án nhân dân

huyện M trong việc hôn nhân gia đình thụ lý số 401/2016/TLST- HNGD ngày 27/12/2016 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh T1 và chị Dương Thị Cẩm T2, chị T2 thừa nhận tài sản chung của anh chị gồm 10 chỉ vàng 24K9999 do chị đang quản lý. Tại phiên Tòa phúc thẩm chị T2 cũng thừa nhận số vàng trên gia đình anh T1 cho để vợ chồng làm vốn, khởi đầu cuộc sống gia đình. Vì vậy Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T1 chia tài sản chung sau khi ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Chị T2 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh 09 chỉ vàng 24K9999 là tài sản riêng của chị nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 52/2017/HNGĐ-ST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

[2] Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị T2 phải chịu án phí phúc thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 33; khoản 2,3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Dương Thị Cẩm T2.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 52/2017/HNGĐ-ST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T1. Anh Lê Minh T1 và chị Dương Thị Cẩm T2 mỗi người được chia 04 (bốn) chỉ 05 (năm) phân vàng 24K9999. Toàn bộ số vàng nêu trên hiện chị T2 đang quản lý nên buộc chị T2 giao cho anh T1 04 (bốn) chỉ 05 (năm) phân vàng 24K9999.

2. Đình chỉ việc giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T1 về việc yêu cầu chia 05 (năm) phân vàng 24K9999 trong đôi bông tai 01 (một) chỉ vàng 24K9999 hiện chị T2 đang quản lý.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Minh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 787.500đ (Bảy trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 438.000 đồng (bốn trăm ba mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008427 ngày 28/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Anh T1 phải nộp tiếp 349.500đồng (ba trăm bốn mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Chị Dương Thị Cẩm T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 787.500đ (Bảy trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

6. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm:

Chị Dương Thị Cẩm T2 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008681 ngày 16/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Kim Cửa